

SỞ HỮU TRÍ TUỆ CÔNG CỤ THƯƠNG MẠI HÓA R&D - HỖ TRỢ TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ

TRƯƠNG THÙY TRANG *

MỞ ĐẦU

Hội nhập kinh tế quốc tế là sự chủ động tham gia của một quốc gia vào thị trường hàng hóa, thị trường vốn, thị trường kỹ thuật công nghệ, thị trường nhân lực lao động... bằng cách thiết lập các chính sách điều tiết kinh tế nhằm kết hợp sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ và hợp tác quốc tế (bên ngoài) với phát huy tối đa nội lực và bản sắc đặc thù (bên trong) để hoàn thiện và nâng cao sức mạnh kinh tế và vị thế quốc gia.

Nói trường đại học hội nhập kinh tế là nói sự chủ động của trường đối với việc đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp cũng như sự gắn kết các hoạt động nghiên cứu của trường đại học với sự phát triển kinh tế của một quốc gia.

Trường đại học thông thường là nơi đào tạo nguồn nhân lực cao cấp cho thị trường lao động. Nguồn nhân lực này khác với lao động phổ thông ở chỗ nó có khả năng tạo giá trị gia tăng cho người sử dụng lao động, nên việc đào tạo huấn luyện ở cấp bậc đại học không chỉ cung cấp và cập nhật các kiến thức kỹ năng cơ bản về một lĩnh vực chuyên môn nào đó mà còn phải đáp ứng nhu cầu nghiên cứu phát triển chuyên sâu, khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề mới, độc đáo. Chính vì vậy nhiệm vụ của bất kỳ trường đại học nào cũng bao gồm hai nhiệm vụ: giảng dạy và nghiên cứu.

* Thạc sĩ, Phó GD Sở Khoa học & Công nghệ TP.HCM

Tiêu chí đánh giá một trường đại học tốt bao giờ cũng bao gồm hai yếu tố này. Các sinh viên học giỏi và đã có kinh nghiệm tham gia các công trình đề tài nghiên cứu khoa học bao giờ cũng được các nhà tuyển dụng ưu tiên chọn lựa và ưu đãi. Các công trình đề tài nghiên cứu khoa học của trường thường tập trung nghiên cứu theo đơn đặt hàng của các ngành công nghiệp, của chính phủ và các nhà đầu tư nên nó là cơ hội để thầy trò cập nhật và gắn kết các hoạt động nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn, tạo được tác phong làm việc nghiêm túc, hợp tác.

Thực tiễn Việt Nam nhiều năm qua các trường đại học đều có triển khai hai mảng dạy học và nghiên cứu nhưng tập trung chủ yếu ở phần dạy còn phần nghiên cứu khoa học ít được chú trọng cho rằng nghiên cứu để giải quyết đời sống nên mang tính vụ vật, xa rời thực tiễn, thiếu vắng các công trình tầm cỡ quốc gia, quốc tế. Các trường đại học nào đẩy mạnh được hoạt động nghiên cứu, có nhiều công trình đề tài ứng dụng trong thực tế thì uy tín và chất lượng nguồn nhân lực ở đó được "săn, tuyển ráo riết". Mặt khác do kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học rất hạn chế chủ yếu trông chờ vào ngân sách chính phủ nên việc mở rộng và phát triển hoạt động nghiên cứu gặp khó khăn như:

- Không đủ kinh phí cho giáo dục và hoạt động nghiên cứu làm hạn chế khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao cũng như hạn

chế khả năng vượt trội, dẫn đầu (khó xây dựng chương trình đào tạo có chất lượng, hạn chế việc mua sắm dụng cụ trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, cho việc nghiên cứu, không đủ kinh phí để cập nhật các nguồn thông tin kinh tế, khoa học kỹ thuật mới nhất, gặp trở ngại liên kết các hoạt động tài chính và khả năng triển khai thực tế).

- Các kết quả nghiên cứu của trường đại học không tạo được nguồn lợi nhuận đủ để bổ sung thêm vào phân chính phủ đã cung cấp. Mức độ chuyển giao kiến thức và công nghệ của khối trường đại học nhằm tác động sự phát triển của kinh tế quốc gia rất thấp, không tạo được sự đổi mới nào đáng kể.

- Do cơ chế trả thù lao lao động thấp nên không hấp dẫn và giữ chân các nguồn nhân lực tài năng, không làm thay đổi dòng chảy làm cạn kiệt nguồn chất xám của trường đại học. Các trường đại học không đủ kinh phí, điều kiện để tự hiện đại và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Vậy làm thế nào để giúp các trường đại học giải quyết các vấn đề này, chuyên đề nghiên cứu " Vấn đề Sở hữu trí tuệ trong trường đại học" sẽ giúp chúng ta làm sáng tỏ:

Ý nghĩa của việc nhận dạng và xác lập các tài sản trí tuệ hiện hữu trong hoạt động của trường đại học.

Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học như thế nào?

Khuyến khích sáng tạo và đổi mới chất lượng giảng dạy nghiên cứu ra sao?

I. NHẬN DẠNG TÀI SẢN TRÍ TUỆ XÁC ĐỊNH VÀ XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU

1. Các đối tượng tài sản trí tuệ hay phát sinh từ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu của trường đại học bao gồm:

Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

Mạch tích hợp bán dẫn là IC, chip và mạch vi điện tử. *Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn* cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

Giống cây trồng là giống thực vật mới, có khả năng phân biệt, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống.

Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Tác phẩm được bảo hộ bao gồm: tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; bài giảng, bài phát biểu và bài nói; tác phẩm báo chí; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm sân khấu; tác phẩm điện ảnh; tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm nhiếp ảnh; tác phẩm kiến trúc; bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học; tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.

Quyền liên quan đến quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

2. Xác lập tài sản trí tuệ

2.1 Các thủ tục pháp lý về xác lập tài sản

Ví dụ về tài sản trí tuệ tại trường đại học:

Hoạt động của trường	Sáng chế	Thông tin bí mật	Bản quyền	Kiểu dáng	Nhãn hiệu
Sử dụng các tài liệu, ấn phẩm giảng dạy của người khác...		x	x		
Thông tin về công trình nghiên cứu. Các nghiên cứu thử, nghiên cứu đối chiếu, kết quả thí nghiệm		x	x		
Xuất bản, công bố, trình bày các công trình nghiên cứu, tài liệu kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn	x	x	x	x	
Các dự án, đề án thiết kế công nghiệp.	x	x	x	x	
Các công trình nghiên cứu theo hợp đồng.	x	x	x	x	
Các dự án tư vấn	x	x	x	x	x
Các nội dung trao đổi về các dự án hợp tác, hay về các công trình nghiên cứu theo hợp đồng	x	x			
Tiếp nhận các thông tin bí mật quan trọng.		x			
Cung cấp cho bên ngoài các thông tin mật.	x	x			
Sử dụng phần mềm máy tính.		x	x		x
Phát triển phần mềm máy tính.	x	x	x		x
Tái chế hay cung cấp bản hướng dẫn hay sơ đồ/bản vẽ trợ giúp máy tính.		x	x	x	
Sự chuẩn bị các chú thích, hướng dẫn cho bài giảng.		x	x		
Trả lời các thắc mắc bằng điện thoại về bản chất kỹ thuật		x			

Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam cũng như quốc tế đều quy định tài sản trí tuệ có thể được xác lập quyền sở hữu thông qua việc đăng ký (ví dụ nhóm đối tượng Sở hữu công nghiệp trừ bí mật thương mại) hay chỉ cần thỏa mãn điều kiện nhất định (ví dụ nhóm tài sản quyền tác giả).

Đối với các đối tượng chỉ phát sinh

quyền tài sản khi đăng ký thì muốn trở thành chủ sở hữu người có tài sản phải tiến hành lập hồ sơ và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền (cụ thể là Cục Sở hữu trí tuệ, Cơ quan giống cây trồng). Đối với mỗi đối tượng tài sản trí tuệ, hồ sơ xác lập được thực hiện khác nhau. Do vậy cần phải có một bộ phận chuyên nghiệp thực hiện các thủ tục này tại trường đại học.

2.2 Tổ chức xác lập tài sản trí tuệ tại trường

- Xây dựng chính sách sở hữu trí tuệ của mỗi trường (khái niệm về sử dụng tài nguyên của nhà trường, các thỏa thuận dịch vụ, thỏa thuận sử dụng dữ liệu thông tin, thỏa thuận giữ bí mật, cam kết thực hiện...)

- Qui định các thủ tục, mẫu biểu về đăng ký, khai báo ý tưởng sáng tạo và hỗ trợ nghiên cứu triển khai

- Hình thành bộ phận chuyên nghiệp về sở hữu trí tuệ tại trường đại học với chức năng:

Xử lý và bảo vệ các ý tưởng sáng tạo bằng hình thức bảo hộ sáng chế, thỏa thuận bản quyền

- Phán đoán các khả năng bảo hộ sáng chế hay bản quyền (hình thành các tờ khai không tiết lộ, tra cứu patent, hoàn tất thủ tục nộp đơn đăng ký sáng chế hay bản quyền, công bố, tiếp thị...)

- Đánh giá giá trị thương mại tiềm năng

- Giành ưu tiên bảo vệ các sáng chế, bản quyền tiềm năng

- Xác định các đối tác có khả năng thương mại

- Đàm phán và quản lý việc chuyển nhượng, cấp phép sử dụng (licăng)

3. Quyền và nghĩa vụ của chủ tài sản

Chủ tài sản là trường đại học: Trường đại học là chủ sở hữu các tài sản trí tuệ được tạo bởi các cá nhân, thành viên nhà trường (nhân viên, sinh viên, nhà nghiên cứu, giảng viên) trong thời gian họ làm thuê hay sử dụng các phương tiện, cơ sở vật chất hay được hưởng các lợi ích về đào tạo huấn luyện, cập nhật thông tin (nguồn tài nguyên) hay được trường giao trách nhiệm nghiên cứu. Như vậy trường có quyền sau đây:

- Nộp đơn xác lập tài sản theo qui định

của pháp luật. Nhà sáng tạo sẽ là tác giả nếu không có thỏa thuận nào khác.

- Yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi xâm phạm và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm

- Độc quyền kiểm soát việc khai thác thương mại tài sản (quảng cáo, tự sản xuất, kinh doanh, cấp phép sử dụng, nhượng quyền...)

- Trả thù lao cho tác giả và tập thể hỗ trợ hình thành và xác lập tài sản

Chủ tài sản là nhà tài trợ, nhà đầu tư nghiên cứu: đối với các tài sản trí tuệ được tạo bởi các công trình đề tài nghiên cứu được tài trợ từ bên ngoài nhà trường thì tùy theo thỏa thuận giữa trường và nhà tài trợ qui định người có quyền sở hữu. Ví dụ sáng chế thiết bị chế biến thực phẩm nào đó được hình thành từ công trình đề tài nghiên cứu do trường đại học nhận tài trợ từ Sở Khoa học và Công nghệ hay Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn. Nếu thỏa thuận giữa nhà tài trợ và trường qui định quyền sở hữu là Sở hay Bộ thì Bộ, Sở là người có quyền nộp đơn đăng ký sáng chế đó và quyết định việc khai thác thương mại tài sản này. Tài sản này nếu thu được lợi nhuận do việc thương mại hóa thành công thì phải phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận. Nếu không có thỏa thuận thì pháp luật qui định mức tối thiểu phải trả thù lao cho tác giả và người hỗ trợ (pháp luật VN 10% -15%).

Chủ tài sản là sinh viên, nghiên cứu sinh: Sinh viên, nghiên cứu sinh có thể là chủ sở hữu bất cứ tài sản trí tuệ nào do họ sáng tạo ra trong quá trình nghiên cứu trừ những trường hợp sau:

- Sinh viên nhận hỗ trợ tài chính của trường dưới hình thức như tiền công, tiền lương, tiền thù lao, thu nhập, hay tài trợ, trợ cấp cho việc nghiên cứu sáng tạo.

- Sinh viên sử dụng tự nhiên nguồn tài nguyên của nhà trường (ví dụ như các hỗ trợ hành chính, thời gian, cơ sở thiết bị vật chất) để tiến hành nghiên cứu sáng tạo.

Các kết quả nghiên cứu sáng tạo có được từ các nguồn tài trợ có ký kết thỏa thuận về sử dụng nguồn tài nguyên, về giữ bí mật, không công bố, tiết lộ thông tin sớm về hạn chế quyền sở hữu tài sản.

Luận văn, luận án đề tài nghiên cứu của sinh viên

Các luận văn, luận án hay các đề tài nghiên cứu có nguồn gốc từ luận án, luận văn là dạng công việc mang tính học thuật được miễn trừ. Vì vậy sinh viên là chủ sở hữu bản quyền, việc nhân bản, xuất bản của trường đối với các công trình này là miễn phí bản quyền sử dụng. Đồng thời sinh viên được phép công bố và xuất bản các luận án, luận văn của mình trừ phi họ đã thỏa thuận bằng văn bản về hạn chế hay ngăn ngừa, trì hoãn việc công bố, xuất bản.

Chủ tài sản là giảng viên, nhân viên của nhà trường

Những kết quả sáng tạo do giảng viên, nhân viên hay bất cứ cá nhân nào tạo ra ngoài thời gian lao động làm thuê và không sử dụng nguồn tài nguyên của trường đều thuộc bản quyền của họ, nhà trường không yêu cầu bản quyền cho mình. Nhưng nếu nhà sáng tạo tuy không sử dụng tài nguyên của trường nhưng kết quả sáng tạo chỉ có thể có được sau khi đã tiến hành một công trình đề tài nghiên cứu với nhà trường thì khả năng phát sinh xung đột giữa trường và cá nhân có khả năng xảy ra khi tài sản được thương mại thành công. Để tránh tình huống này, trường phải có chính sách về tài sản trí tuệ qui định rõ thể nào là sử dụng hiển nhiên và không hiển nhiên nguồn tài nguyên của trường, nghĩa vụ khai báo thông tin của các nghiên cứu viên trước khi nghiên cứu (khai báo các tài sản trí tuệ có trước và giống hệ thống trình sắp nghiên cứu). Trường sẽ xác nhận và không đòi hỏi bản quyền trong trường hợp này.

Từ bỏ quyền sở hữu trí tuệ

Trường đại học có thể không quan tâm đến việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (cấp patent) và theo yêu cầu của nhà sáng tạo, trường có thể ủy quyền cho người sáng tạo quyền nộp đơn đăng ký nhưng vẫn giữ lại cho

mình quyền sử dụng miễn phí và tự do chuyển nhượng, sử dụng với mục đích nghiên cứu giáo dục hay cấp phép sử dụng duy nhất cho nhà sáng tạo.

4. Ý nghĩa của việc nhận dạng, xác định và xác lập tài sản trí tuệ trong trường đại học

-Việc nhận dạng các tài sản trí tuệ trong trường đại học sẽ giúp cho trường kịp thời phát hiện và nhanh chóng xác lập quyền sở hữu tài sản các thành quả nỗ lực đầu tư của trường, cơ sở cho quá trình thương mại hóa và thu lại một phần chi phí đầu tư.

-Việc xác định tài sản trí tuệ trong trường đại học nhằm chống lại các hành vi sử dụng tùy tiện thành quả lao động của người khác, ngăn chặn các hành vi xâm phạm tài sản trí tuệ làm tổn hại đến uy tín và hình ảnh của nhà trường. Mặt khác cũng là cơ sở để tiếp cận và cập nhật chuyển giao các tài sản trí tuệ có giá trị thương mại nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

-Xác lập tài sản trí tuệ các kết quả sáng tạo, kết quả nghiên cứu sẽ tạo nên hành lang pháp lý cũng như ý thức khai thác thương mại tài sản của chủ sở hữu. Cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phát triển của trường.

II. THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ SÁNG TẠO VÀ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU NHƯ THẾ NÀO

a. Khái niệm cấp phép sử dụng và chuyển giao tài sản trí tuệ

Cấp phép sử dụng tài sản trí tuệ (li-xăng) là thỏa thuận chuyển quyền sử dụng/khai thác. Như vậy người chủ vẫn giữ lại quyền sở hữu. Người sử dụng được phép khai thác thu lợi và đổi lại họ phải trích phần thu lợi do khai thác sử dụng tài sản này để trả cho chủ sở hữu tài sản gọi là tiền bản quyền. Xét về phạm vi khai thác thì có li-xăng độc quyền hay li-xăng không độc quyền. Li-xăng độc quyền là chỉ một nhà khai thác hợp pháp một thị trường nào đó. Li-xăng không độc quyền là trong cùng một thị trường có thể có hơn một nhà khai thác. Nên

phí bản quyền cho từng loại cũng khác nhau. Xét về chủ thể chuyển giao thì có lixăng thứ cấp là thỏa thuận chuyển giao quyền sử dụng từ hai người chỉ được cấp phép sử dụng, không có quyền sở hữu.

Chuyển giao tài sản trí tuệ là thỏa thuận chuyển quyền sở hữu tài sản, nói nôm na là thỏa thuận mua bán tài sản. Giá cả chuyển giao tài sản trí tuệ được xác định bằng nhiều cách thức và tùy thuộc các yếu tố tác động khác nhau.

b.Nội dung đàm phán, soạn thảo thỏa thuận sử dụng/chuyển giao tài sản

Hợp đồng sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan phải được lập thành văn bản gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của bên chuyển quyền và bên được chuyển quyền;
- b) Căn cứ chuyển quyền;
- c) Phạm vi chuyển giao quyền;
- d) Giá, phương thức thanh toán;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của bên chuyển quyền và bên được chuyển quyền;
- b) Căn cứ chuyển giao quyền sử dụng;
- c) Dạng hợp đồng;
- d) Phạm vi chuyển giao, gồm giới hạn quyền sử dụng, giới hạn lãnh thổ;
- đ) Thời hạn hợp đồng;
- e) Giá chuyển giao quyền sử dụng;
- g) Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển quyền và bên được chuyển quyền.

c.Phương pháp ước tính giá trị tài sản trí tuệ/xác định giá cấp phép sử dụng hay chuyển giao

Đánh giá dựa trên chi phí: gồm tính toán các chi phí thực từ lúc hình thành cho đến lúc định giá. Chỉ dựa trên một yếu tố chi phí phương pháp này không phù hợp với những tài sản trí tuệ đang khai thác có thu nhập ví dụ các tác phẩm đang thu được bản quyền, các sáng chế, kiểu dáng, nhãn hiệu đang được sử dụng

trong thực tế sinh lợi.

Đánh giá dựa trên thị trường: bằng cách so sánh tài sản được đánh giá với giá bán của một tài sản tương tự có trên thị trường. Đây là phương pháp được ưa chuộng đặc biệt là hội đồng tiêu chuẩn kế toán quốc tế vì nó thể hiện giá trị thực của tài sản. Nhưng để sử dụng phương pháp này các thông tin liên quan đến tài sản tương tự trên thị trường phải chính xác và đầy đủ, thường không có sẵn.

Đánh giá trên khả năng thu nhập: phương pháp này tính khả năng thu nhập của tài sản như phí bản quyền sẽ được thu từ cấp phép sử dụng, hay trên tổng số sản phẩm được phân phối/sản xuất hoặc dự báo tổng thu nhập sau khi khấu trừ các khoản qui định. Cách này nhiều rủi ro do các tác động của lạm phát, tỉ lệ lãi suất, biến động thị trường, luật pháp...

d.Ý nghĩa của việc cấp phép, chuyển giao

-Mục đích trường đại học là thương mại hóa các kết quả nghiên cứu sáng tạo chứ không phải là tổ chức sản xuất kinh doanh. Do đó cấp phép và chuyển giao tài sản trí tuệ phải được chú trọng đầu tư ở mức chuyên nghiệp. Việc cấp phép và chuyển giao giúp cho trường có cơ hội chọn lựa mua, xin giấy phép sử dụng tài sản trí tuệ của các trường tiên tiến trên thế giới. Đồng thời trường có thể cấp phép và chuyển giao những tài sản là thế mạnh của mình. Điều này tạo sự chuyển đổi hòa nhập hợp lý khi tiếp cận và chia sẻ các tri thức, kinh nghiệm của quốc tế và của chính mình. Nâng cao được năng lực cạnh tranh của mỗi trường.

-Phí bản quyền thu được do việc cấp phép cũng là nguồn kinh phí bổ sung cho việc hiện đại hóa trang thiết bị cơ sở vật chất của trường và nâng cao chất lượng nguồn lực phục vụ giảng dạy, học tập.

-Việc chuyển giao, cấp phép là hình thức thương mại hóa, gắn kết hoạt động nghiên cứu với thực tiễn phát triển các ngành công nghiệp. Tạo thuận lợi cho việc thu hút đầu tư nghiên cứu.

III. CHÍNH SÁCH PHÂN CHIA LỢI ÍCH THU ĐƯỢC TỪ VIỆC KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ LÀ BIỆN PHÁP KÍCH THÍCH SÁNG TẠO, ĐỔI MỚI VIỆC DẠY, HỌC VÀ NGHIÊN CỨU

Khi một thành quả sáng tạo được bảo hộ là tài sản trí tuệ và được thương mại hóa thì nguyên tắc phân chia cơ bản như sau:

Khấu trừ chi phí thực hiện việc bảo hộ và tiến hành thương mại hóa (phí nộp đơn, phí cấp lixăng, tổ chức đánh giá thẩm định, đàm phán, ký kết, chuyển giao...)

Lợi nhuận thực được chia sẻ giữa nhà sáng tạo (originator) và trường theo khuynh hướng nghịch (lợi nhuận tăng thì tỷ lệ chia cho nhà sáng tạo giảm, Trường tăng)

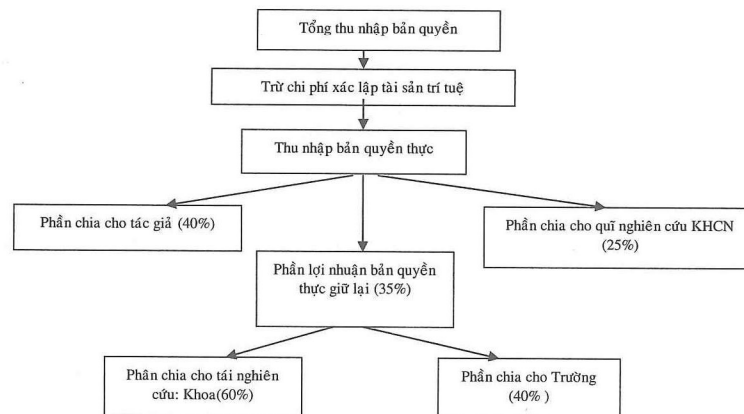
Thu nhập ròng hàng năm/1000 \$	Nhà sáng tạo	Khoa	Trường
0 - 15	100%	0%	0%
15 - 50	60%	20%	20%
50 - 100	50%	25%	25%
Hơn 100	40%	30%	30%

Mỗi trường tùy theo tính lĩnh vực chuyên ngành, các yếu tố tác động khác như thị trường khai thác, lạm phát, thực thi pháp luật mà cần nhắc, thiết lập ngưỡng tỷ lệ cho phù hợp.

Xác định chi tiết nội dung phân chia ví dụ như:

- Chi phí cho đội nhóm, tổ nghiên cứu của tác giả
- Quỹ giành cho xác lập tài sản trí tuệ
- Chi tổ chức chuyển giao
- Chi phí tái nghiên cứu
- Quỹ học bổng và giáo dục
- Hiện đại hóa cơ sở vật chất

a. Tỷ lệ phân chia



b. Nghĩa vụ và quyền lợi của khoa

-Tạo điều kiện cho tác giả nghiên cứu, sáng tạo

-Hỗ trợ tác giả thực hiện các qui định, chính sách về sở hữu trí tuệ (tiếp nhận thông báo,

báo cáo bộ phận chuyên môn của trường, kiểm tra đơn đốc các nghĩa vụ đã cam kết giữa trường và tác giả, bộ phận chuyên môn ...)

c. Nghĩa vụ và quyền lợi của trường

-Xây dựng, công bố chính sách sở hữu trí tuệ trong toàn nhà trường

-Phân công lãnh đạo trường chịu trách nhiệm triển khai chính sách này

-Giải quyết các khiếu nại tranh chấp liên quan đến việc thực hiện chính sách

d. Nghĩa vụ và quyền lợi của người sáng tạo

-Tuân thủ các qui định, chính sách đã ban hành của Trường và các cam kết, thỏa thuận đã ký kết.

-Yêu cầu trường xử lý và giải quyết các xung đột về quyền lợi.

e. Tác động của chính sách phân chia lợi ích đối với sự phát triển nguồn nhân lực

- Trung thực trong nghiên cứu
- Tham khảo thông tin khi nghiên cứu

- Tinh thần hợp tác, liên kết hệ thống làm việc (làm việc theo nhóm, theo mạng lưới)
- Nỗ lực tìm tòi, sáng tạo

KẾT LUẬN

Tổ chức hoạt động sở hữu trí tuệ tại trường đại học nhằm:

Tạo ra môi trường nghiên cứu các vấn đề mới trong giáo viên, sinh viên, nghiên cứu sinh và các thành viên khác của khoa, của trường.

Tạo điều kiện chuyển giao các sáng chế hữu ích các công trình nghiên cứu chuyên môn cho xã hội, cho các doanh nghiệp của Việt Nam nhằm tạo ra các lợi ích cho sự phát triển kinh tế Việt Nam.

Tạo điều kiện phát triển và phổ biến tài sản trí tuệ bằng cách đền bù, thưởng công một phần vật chất hay trợ giúp quản lý cho trường và nhà sáng tạo.

Đảm bảo các thu nhập tài chính có được từ khai thác tài sản trí tuệ sẽ được sử dụng đúng đắn, không trái với các qui định và nhiệm vụ của trường.

TÓM TẮT

Tổ chức hoạt động sở hữu trí tuệ tại trường đại học nhằm:

Tạo ra môi trường nghiên cứu các vấn đề mới trong giáo viên, sinh viên, nghiên cứu sinh và các thành viên khác của khoa, của trường.

Tạo điều kiện chuyển giao các sáng chế hữu ích các công trình nghiên cứu chuyên môn cho xã hội, cho các doanh nghiệp của Việt nam nhằm tạo ra các lợi ích cho sự phát triển kinh tế Việt nam

Tạo điều kiện phát triển và phổ biến tài sản trí tuệ bằng cách đền bù/thưởng công một phần vật chất hay trợ giúp quản lý cho trường và nhà sáng tạo.

Đảm bảo các thu nhập tài chính có được từ khai thác tài sản trí tuệ sẽ được sử dụng đúng đắn, không trái với các qui định và nhiệm vụ của trường.

SUMMARY

The management of intellectual property activities in the universities are aimed at the following:

Facilitate the research of new issues for teachers, students, research students, and other members of the faculties and university.

Facilitate the transfer to society and business enterprises useful inventions derived from specialized research to support the development of Vietnamese economy.

Facilitate the development and publication of intellectual property by offering material rewards or providing management assistance to the institution or the inventor.

Ensure the income generated from developing intellectual property is rightfully used, and in line with the regulations and functions of the institution.